

TRƯỜNG MN AN PHƯỢNG

Số: 01/TM-TrMN

V/v Yêu cầu báo giá thực phẩm, hàng hóa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

An Phượng, ngày 14 tháng 3 năm 2025

## THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Cung cấp các mặt hàng thực phẩm, hàng hóa, dịch vụ phục vụ  
bếp ăn bán trú tại Trường Mầm non An Phượng

Kính gửi: Công ty TNHH chế biến thực phẩm Minh Hải

Hiện nay, Trường Mầm non An Phượng đang quan tâm đến thực phẩm, hàng hóa của các công ty và rất muốn có thêm thông tin chi tiết với các yêu cầu sau:

**I. Yêu cầu báo giá các mặt hàng đáp ứng tối thiểu các tiêu chuẩn: (Có danh mục kèm theo)**

*(Báo giá đã bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển. Bên mua không phải trả thêm bất cứ khoản chi phí nào. Giá mà nhà cung ứng báo sẽ là giá cố định trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng và không thay đổi, do vậy nhà cung ứng phải có trách nhiệm tính toán các khoản chi phí hợp lý vào trong giá báo giá)*

**II. Các yêu cầu cụ thể về thực phẩm, hàng hoá cần đảm bảo theo báo giá của nhà cung ứng**

### Đối với thực phẩm

- Nhà cung ứng ngoài việc báo giá cụ thể, cần nêu chi tiết từng loại thực phẩm, nhà cung ứng có thể chào giá các loại thực phẩm có tỷ lệ dinh dưỡng tương đương hoặc tốt hơn. Vì vậy nhà cung ứng có thể chào giá các loại thực phẩm khác nhau nhưng phải đảm bảo tiêu chuẩn sử dụng “tương đương” hoặc “tốt hơn” so với yêu cầu của nhà trường. Đối với các sản phẩm tốt hơn, nhà cung ứng phải có bảng so sánh và tài liệu chứng minh đính kèm báo giá. Giá phải tương ứng với chất lượng thực phẩm theo yêu cầu dưới đây. Cụ thể:



### **1.1. Yêu cầu cụ thể đối với thịt, cá, thực phẩm tươi sống**

Thịt tươi sống, không có thuốc tăng trọng; các thớ thịt đều, săn chắc, không nhũn nhão, đàn hồi tốt, ấn ngón tay vào thịt không để lại dấu ấn trên bề mặt thịt khi bỏ tay ra. Bề mặt khô, sạch, không dính lông và tạp chất lạ; Nước luộc thịt thơm, trong, vàng mỡ to (khi luộc thịt). Cá tươi, không rỉ dịch, chảy nhớt. Màu sắc: Màu đặc trưng của sản phẩm. Mùi: Đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ. Đạt các tiêu chuẩn về an toàn toàn thực phẩm, đảm bảo chất lượng. Đã qua kiểm dịch của cơ quan thú y ngon.

### **1.2. Yêu cầu đối với rau, củ, quả**

Đạt các tiêu chuẩn về an toàn toàn thực phẩm, đảm bảo chất lượng, độ tươi. Đối với rau ăn lá phải tươi, ngon, không bị dập nát, không sâu, không có lá úa, lá già, không có tạp chất, không biến đổi gen, củ quả to, đều còn cứng tươi; không có chất kích thích..., chất bảo vệ thực vật, rau đảm bảo cung cấp theo mùa.

Rau, củ, quả được sản xuất, cung cấp từ đơn vị đạt tiêu chuẩn VIETGAP; Cà chua đạt tiêu chuẩn OCOOP.

### **1.3. Các sản phẩm từ trứng**

Trứng còn tươi, khi để soi dưới ánh đèn có buồng khí nhỏ, lòng đỏ tròn, không di động, nằm cân bằng ở giữa, lòng trắng trong suốt, cam hoặc hồng nhạt. Khi lắc nhẹ mà không có tiếng động. Có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng. Đáp ứng yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm.

### **1.4. Các loại sản phẩm khác**

Có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.

Đáp ứng yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm.

#### **Đối với hàng hóa**

- Nhà cung ứng phải báo giá cụ thể, chi tiết từng loại hàng hóa, có nhãn mác hàng hoá (nếu có), xuất xứ của hàng hoá, nhà sản xuất cụ thể của hàng hoá, hạn sử dụng theo quy định của nhà sản xuất, hạn sử dụng còn lại phải  $\geq 2/3$  hạn sử dụng.

- Bao bì sản phẩm hàng hoá phải thể hiện đầy đủ thông tin về: nhãn mác sản phẩm, ngày sản xuất, hạn sử dụng, thông tin của nhà sản xuất. Trường hợp hàng hoá không đáp ứng yêu cầu chất lượng do nguyên nhân của nhà sản xuất thì nhà cung

ứng phải cung cấp thay thế hàng hoá mới đạt yêu cầu chất lượng và thu hồi sản phẩm lỗi, thời gian cung cấp thay thế hàng hoá mới không quá 01 ngày kể từ thời điểm nhận được thông báo.

## 2. Yêu cầu về giao hàng

- Địa điểm giao hàng: Trường Mầm non An Phượng (3 khu): Xóm 6 khu An Lại - Xóm 8 khu Phượng Đầu - Xóm 11 khu Ngoại Đàm.

- Thời gian giao hàng: 6h00 sáng hàng ngày trong tuần

**TRƯỜNG MẦM NON AN PHƯỢNG** trân trọng kính mời các đơn vị cung cấp báo giá cung cấp các loại thực phẩm và gửi hồ sơ chào giá về đơn vị Trường Mầm non An Phượng.

Địa chỉ: Xóm 11 thôn Ngoại Đàm - An Phượng - Thanh Hà - Hải Dương trước 10 giờ ngày 18/3/2025. Hồ sơ chào giá bao gồm các tài liệu sau:

+ Hồ sơ năng lực: Bản sao công chứng đăng ký kinh doanh, mô tả khái quát năng lực kinh nghiệm của đơn vị cung ứng.

+ Thư chào giá các mặt hàng theo các nội dung yêu cầu báo giá trên và một số hồ sơ khác theo quy định.

Rất mong nhận được sự quan tâm và tham gia chào giá từ phía đơn vị cung cấp dịch vụ. Trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Lưu VP

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
  
**Lê Thị Vân**



**Chi tiết thông tin về giá và các đặc tính kỹ thuật của lương thực, thực phẩm theo yêu cầu của nhà trường:**

**1. Thực phẩm rau; củ; quả**

| TT | Danh mục hàng hoá | Quy cách, yêu cầu sản phẩm                                                                                                                                                                                                                | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Ghi chú |
|----|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|---------|------------|---------|
| 1  | Bí xanh           | Quả to đều trên dưới, không thối, ong Chambers không biến đổi gen, không có chất kích thích ..., chất bảo vệ thực vật. Thu hoạch đúng thời vụ                                                                                             | Kg  | 01       |         |            |         |
| 2  | Bí đỏ             | Quả to đều, già, không thối, ong Chambers không biến đổi gen, không có chất kích thích ..., chất bảo vệ thực vật. Thu hoạch đúng thời vụ                                                                                                  | Kg  | 01       |         |            |         |
| 3  | Cà chua           | Quả to đều, chín, không thối, không biến đổi gen, không có chất kích thích ..., chất bảo vệ thực vật. Thu hoạch đúng thời vụ                                                                                                              | Kg  | 01       |         |            |         |
| 4  | Cà rốt            | Củ to đều trên dưới, không thối, ong Chambers không biến đổi gen, không có chất kích thích ..., chất bảo vệ thực vật. Thu hoạch đúng thời vụ                                                                                              | Kg  | 01       |         |            |         |
| 5  | Gừng củ           | - Không có thuốc bảo quản, củ to đều không bị thối, không có mùi và/hoặc vị lạ, rắn chắc, không bị trầy vỏ, các vết trầy nhẹ đã khô không bị coi là khuyết tật, đủ khô để sử dụng; vỏ, cuống và vết cắt khi thu hoạch phải khô hoàn toàn. | Kg  | 01       |         |            |         |
| 6  | Hành lá           | - Tươi ngon không bị dập nát, không có thuốc bảo vệ thực vật, thân có màu xanh đậm, không vàng úa, thối, củ trắng tinh.                                                                                                                   | Kg  | 01       |         |            |         |
| 7  | Khoai sọ          | Củ đều, bở, không thối, ngon, không có chất bảo quản, chất kích thích.                                                                                                                                                                    | Kg  | 01       |         |            |         |

|    |                 |                                                                                                                                                                                                                                              |    |    |  |  |  |
|----|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----|--|--|--|
| 8  | Khoai tây       | Củ đều, bở, không thối, ngon, không có chất bảo quản, chất kích thích.                                                                                                                                                                       | Kg | 01 |  |  |  |
| 9  | Me              | - Tươi ngon không bị dập nát, héo úa, không có thuốc bảo vệ thực vật                                                                                                                                                                         | Kg | 01 |  |  |  |
| 10 | Rau mùng<br>tơi | -Thân mập, mọng nước, bên ngoài vỏ nhẵn bóng, màu xanh thẫm hoặc tím. Rau tươi ngon không bị dập nát, không héo, thối không có thuốc bảo vệ thực vật.                                                                                        | Kg | 01 |  |  |  |
| 11 | Rau đay         | - Thân màu đỏ nâu, ít phần cành. Lá hình trứng dài nhọn, phía gốc lá tròn hay tù, mép có răng cưa, dài 5 – 10 cm, rộng 2 – 4 cm, có 3 – 5 gân ở phía dưới, Rau tươi ngon không bị dập nát, không héo úa thối, không có thuốc bảo vệ thực vật | Kg | 01 |  |  |  |
| 12 | Hành tây        | - Hành có lớp vỏ mỏng, sáng bóng, màu vàng đẹp mắt, đều màu, không có vết thâm đen, chắc tay, không mọc mầm.                                                                                                                                 | Kg | 01 |  |  |  |
| 13 | Tỏi khô         | - Củ, to chắc, không bị xốp, các nhánh tỏi không bị lép, khô hoặc nhẵn đảm bảo chất lượng và độ tươi ngon, còn nguyên lớp vỏ trắng bên ngoài, không có chất bảo quản,                                                                        | Kg | 01 |  |  |  |
| 14 | Hành khô        | - Củ, to chắc, không bị xốp, các nhánh tỏi không bị lép, khô hoặc nhẵn đảm bảo chất lượng và độ tươi ngon, còn nguyên lớp vỏ trắng bên ngoài, không có chất bảo quản,                                                                        | Kg | 01 |  |  |  |
| 15 | Su hào          |                                                                                                                                                                                                                                              | Kg | 01 |  |  |  |
| 16 | Rau muống       | Rau tươi ngon không bị dập nát, không có thuốc bảo vệ thực vật,                                                                                                                                                                              | Kg | 01 |  |  |  |

|    |              |                                                                                                                                                 |    |    |  |  |  |
|----|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----|--|--|--|
|    |              | không xuất hiện vết thâm, lá hư thối, héo rũ và ngả màu vàng.                                                                                   |    |    |  |  |  |
| 17 | Củ sả        | Có thân củ to tròn, không bị héo. Khi dùng tay sờ vào thấy cứng, không bị dập. Ruột bên trong không bị đốm, lá sả xanh mướt không bị khô và héo | Kg | 01 |  |  |  |
| 18 | Rau cải ngọt | Rau tươi ngon không bị dập nát, không có thuốc bảo vệ thực vật, không xuất hiện vết thâm, lá hư thối, héo rũ và ngả màu vàng.                   | Kg | 01 |  |  |  |
| 19 | Rau cải canh | Rau tươi ngon không bị dập nát, không có thuốc bảo vệ thực vật, không xuất hiện vết thâm, lá hư thối, héo rũ và ngả màu vàng.                   | Kg | 01 |  |  |  |
| 20 | Rau ngót     | Rau tươi ngon không bị dập nát, không có thuốc bảo vệ thực vật, không xuất hiện vết thâm, lá hư thối, héo rũ và ngả màu vàng.                   | Kg | 01 |  |  |  |
| 21 | Bầu          | - Quả thẳng, có lông tơ, cầm lên thấy nặng tay. Không già, héo hay có biểu hiện dập nát. , không có thuốc bảo vệ thực vật.                      | Kg | 01 |  |  |  |
| 22 | Mướp         | - Quả thẳng, không thối, ong châm, cầm lên thấy nặng tay. Không già, héo hay có biểu hiện dập nát. , không có thuốc bảo vệ thực vật.            | Kg | 01 |  |  |  |
| 23 | Cà chua      | Quả to, đều chín đỏ không thối, không biến đổi gen; không có chất kích thích... chất bảo vệ thực vật thu hoạch đúng thời vụ                     | Kg | 01 |  |  |  |
| 24 | Rau mùi      | Rau tươi ngon không bị dập nát, không có thuốc bảo vệ thực vật, không xuất hiện vết thâm, lá hư thối, héo rũ và ngả màu vàng.                   | Kg | 01 |  |  |  |

|                         |            |                                                                                                                                   |    |    |  |  |  |  |
|-------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----|--|--|--|--|
| 25                      | Thì là     | Lá phải tươi mới, không bị dập nát, không có thuốc bảo vệ thực vật, không xuất hiện vết thâm, lá hư thối, héo rũ và ngả màu vàng. | Kg | 01 |  |  |  |  |
| 26                      | Bắp cải    | Rau tươi ngon không bị dập nát, không có thuốc bảo vệ thực vật, không xuất hiện vết thâm, lá hư thối, héo rũ và ngả màu vàng.     | Kg | 01 |  |  |  |  |
| 27                      | Chuối tây  | - Quả to đều, có màu vàng đậm, không có đốm đen, vết thâm, không bị dập nát, không sử dụng hóa chất                               | Kg | 01 |  |  |  |  |
| 28                      | Dưa hấu    | - Tươi ngon trọng lượng 2kg/ quả trở lên, dưa hấu bỏ ra đỏ tươi, không bị thối, dập, không có thuốc bảo vệ thực vật.              | Kg | 01 |  |  |  |  |
| 29                      | Cam ngọt   | - Đối với quả ăn tráng miệng phải tươi ngon, ngọt tự nhiên không chất bảo quản, không chất kích thích                             | Kg | 01 |  |  |  |  |
| 30                      | Quýt ngọt  | - Đối với quả ăn tráng miệng phải tươi ngon, ngọt tự nhiên không chất bảo quản, không chất kích thích                             | Kg | 01 |  |  |  |  |
| 31                      | Cà sênh    | - Đối với quả ăn tráng miệng phải tươi ngon, ngọt tự nhiên không chất bảo quản, không chất kích thích                             | Kg | 01 |  |  |  |  |
| 32                      | Thanh Long | - Đối với quả ăn tráng miệng phải tươi ngon, ngọt tự nhiên không chất bảo quản, không chất kích thích                             | Kg | 01 |  |  |  |  |
| <b>2. Thực phẩm khô</b> |            |                                                                                                                                   |    |    |  |  |  |  |
| 1                       | Mì gạo     | - Sợi đều, không nấm mốc; không chất bảo quản; đảm bảo tối thiểu ½ hạn sử dụng                                                    | Kg | 01 |  |  |  |  |

|    |                   |                                                                                                                                                                                        |    |    |  |  |  |
|----|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----|--|--|--|
| 2  | Bún khô           | - Sợi đều, không nấm mốc; không chất bảo quản; đảm bảo tối thiểu ½ hạn sử dụng.                                                                                                        | Kg | 01 |  |  |  |
| 3  | Bánh đa cua       | - Bánh đa phải đảm bảo mới sản xuất, không bị ẩm mốc, nấu lên thơm ngon.                                                                                                               | Kg | 01 |  |  |  |
| 4  | Lạc trắng         | - Hạt to đều, không bị mốc, không bị hôi mốc.                                                                                                                                          | Kg | 01 |  |  |  |
| 5  | Vừng vàng         | - Hạt to đều, không bị mốc, không bị hôi mốc                                                                                                                                           | Kg | 01 |  |  |  |
| 6  | Nấm hương         | - Nấm to đều, không bị mốc, không bị hôi mốc                                                                                                                                           | Kg | 01 |  |  |  |
| 7  | Gạo nếp           | - Đúng chuẩn 1 loại gạo, hạt đều, không mốc, mốc, không lẫn sạn bản không có chất bảo quản, đảm bảo VSATTP khi nấu lên cơm thơm ngon, dẻo.                                             | Kg | 01 |  |  |  |
| 8  | Gạo tẻ thơm       | - Đúng chuẩn 1 loại gạo, hạt đều, không mốc, mốc, không lẫn sạn bản không có chất bảo quản, đảm bảo VSATTP khi nấu lên cơm thơm ngon, dẻo.                                             | Kg | 01 |  |  |  |
| 9  | Hạt sen           | - Hạt to đều, không bị mốc, không bị hôi mốc, khi nấu lên hạt nở.                                                                                                                      | Kg | 01 |  |  |  |
| 10 | Bánh mì           | - Sản xuất trong ngày, không có chất bảo quản, phẩm màu.                                                                                                                               | Kg | 01 |  |  |  |
| 11 | Dầu ăn Simply 1 L | - Hàng đóng chai, đúng chủng loại, còn nguyên tem mác, hạn sử dụng 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Sản phẩm có hạn sử dụng ít nhất còn 3 tháng, có mã vạch truy xuất nguồn gốc sản phẩm. | Kg | 01 |  |  |  |

LIÊN T  
TRU  
MÃN  
AN P  
B 4N

|    |                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |    |    |  |  |  |
|----|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----|--|--|--|
| 12 | Muối tinh<br>iot 500g                                     | - Hàng đóng gói, đúng chủng loại, còn nguyên tem mác, hạn sử dụng 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Sản phẩm có hạn sử dụng ít nhất còn 1 tháng, có mã vạch truy xuất nguồn gốc sản phẩm.                                                                                            | Kg | 01 |  |  |  |
| 13 | Bột ngọt Aji<br>no moto<br>1kg                            | - Bột ngọt Ajinomoto 1.8kg được đóng gói trong bao bì 1.8kg, đúng chủng loại, còn nguyên tem mác, hạn sử dụng 60 tháng kể từ ngày sản xuất. Sản phẩm có hạn sử dụng ít nhất còn 6 tháng, có mã vạch truy xuất nguồn gốc sản phẩm.                                                | Kg | 01 |  |  |  |
| 14 | Đường hoa<br>mai, đường<br>đen, đường<br>trắng túi<br>1kg | - Hàng đóng gói, đúng chủng loại, còn nguyên tem mác, hạn sử dụng 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Sản phẩm có hạn sử dụng ít nhất còn 3 tháng, có mã vạch truy xuất nguồn gốc sản phẩm.                                                                                            | Kg | 01 |  |  |  |
| 15 | Đỗ xanh<br>tách vỏ                                        | - Đỗ có màu vàng, đã được tách lớp vỏ bên ngoài hạt, hạt đều, không bị mốc, không bị hôi, mốc, khi nấu lên hạt nở                                                                                                                                                                | Kg | 01 |  |  |  |
| 16 | Đỗ đen<br>xanh lòng                                       | - Hạt to đều, không bị mốc, không bị hôi mốc                                                                                                                                                                                                                                     | Kg | 01 |  |  |  |
| 17 | SP Dielac<br>super star<br>túi 1kg                        | * Sản phẩm được đóng trong bao bì túi nhôm, còn nguyên tem mác, hạn sử dụng 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Sản phẩm có hạn sử dụng ít nhất còn 3 tháng, sữa dạng bột, đồng nhất, không vón cục, không có tạp chất lạ, có màu vàng kem, đồng đều, thơm ngon đặc trưng của sản phẩm | Kg | 01 |  |  |  |

|    |                                 |                                                                                                                                                                                                                                                    |    |    |  |  |  |
|----|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----|--|--|--|
| 18 | Bột canh<br>900gr               | - Hàng đóng gói, đúng chủng loại,<br>còn nguyên tem mác, hạn sử dụng 09<br>tháng kể từ ngày sản xuất. Sản phẩm<br>có hạn sử dụng ít nhất còn 1 tháng,<br>có mã vạch truy xuất nguồn gốc sản<br>phẩm.                                               | Kg | 01 |  |  |  |
| 19 | Nước cốt<br>dừa 400ml           | - Hàng đóng gói, đúng chủng loại,<br>còn nguyên tem mác, hạn sử dụng 36<br>tháng kể từ ngày sản xuất. Sản phẩm<br>có hạn sử dụng ít nhất còn 3 tháng,<br>có mã vạch truy xuất nguồn gốc sản<br>phẩm.                                               | Kg | 01 |  |  |  |
| 20 | Bột sắn dây                     | - Đúng bột củ sắn dây, trắng, mịn,<br>khô, khi nấu lên trắng trong sánh<br>đảm bảo vệ sinh ATTP                                                                                                                                                    | Kg | 01 |  |  |  |
| 21 | Knorr<br>GVHC T.<br>kho tàu 28g | Hàng đóng gói, đúng chủng loại,<br>còn nguyên tem mác, hạn sử dụng 17<br>tháng kể từ ngày sản xuất. Sản phẩm<br>có hạn sử dụng ít nhất còn 2 tháng,<br>có mã vạch truy xuất nguồn gốc sản<br>phẩm.                                                 | Kg | 01 |  |  |  |
| 22 | Nước mắm<br>cát hải 2L          | Hàng đóng chai, đúng chủng loại,<br>còn nguyên tem mác, hạn sử dụng 24<br>tháng kể từ ngày sản xuất. Sản phẩm<br>có hạn sử dụng ít nhất còn 3 tháng,<br>có mã vạch truy xuất nguồn gốc sản<br>phẩm, sản phẩm đạt tiêu chuẩn<br>VSATTP về nước mắm. | Kg | 01 |  |  |  |

HÀNG  
ĐÓNG  
GÓI  
NÓNG  
HỮU  
★

|    |                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |     |    |  |  |  |
|----|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----|--|--|--|
| 23 | Hạt nêm Aji-ngon 2 kg | Hạt nêm Aji-ngon hàng đóng gói, còn nguyên tem mác, hạn sử dụng 18 tháng kể từ ngày sản xuất. Sản phẩm có hạn sử dụng ít nhất còn 2 tháng, được chiết xuất cô đặc từ thịt, xương ống và xương sườn được sản xuất trực tiếp tại nhà máy của Công ty Ajinomoto Việt Nam theo công nghệ hiện đại Nhật Bản cùng sự cân đối hài hòa với các gia vị khác. | Kg  | 01 |  |  |  |
| 24 | Sữa ông thọ đặc       | Đảm bảo tối thiểu ½ hạn sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Hộp | 01 |  |  |  |

### 3. Thực phẩm: Thịt lợn; thịt bò; trứng; thủy hải sản; đậu

|   |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                       |    |    |  |  |  |
|---|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----|--|--|--|
| 1 | Thịt bò loại 1, loại 2. | - Thịt có màu đỏ tươi, khi ấn tay vào có đồ đàn hồi, không có mùi lạ, nấu lên thơm ngon, không có kí sinh trùng, vi sinh vật gây bệnh., không có chứa các chất tồn dư (Thuốc, hóa học,...) trong quá trình chăn nuôi.                                                 | Kg | 01 |  |  |  |
| 2 | Thịt lợn mỡ sấn         | - Thịt có màu đỏ tươi, khi ấn tay vào có đồ đàn hồi, không có mùi lạ, nấu lên thơm ngon, không có kí sinh trùng, vi sinh vật gây bệnh., không có chứa các chất tồn dư (Thuốc, hóa học,...) trong quá trình chăn nuôi.<br>- Lợn được chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGap | Kg | 01 |  |  |  |
| 3 | Thịt lợn nạc thăn       | - Thịt có màu đỏ tươi, khi ấn tay vào có đồ đàn hồi, không có mùi lạ, nấu lên thơm ngon, không có kí sinh trùng, vi sinh vật gây bệnh., không có chứa các chất tồn dư (Thuốc, hóa học,...) trong quá trình chăn nuôi.                                                 | Kg | 01 |  |  |  |

|   |                  |                                                                                                                                                                                                                       |    |    |  |  |  |
|---|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----|--|--|--|
| 4 | Thịt lợn nạc vai | - Thịt có màu đỏ tươi, khi ấn tay vào có đồ đàn hồi, không có mùi lạ, nấu lên thơm ngon, không có kí sinh trùng, vi sinh vật gây bệnh., không có chứa các chất tồn dư (Thuốc, hóa học,...) trong quá trình chăn nuôi. | Kg | 01 |  |  |  |
| 5 | Trứng cút        | - Bề mặt vỏ nhẵn, sạch, không có nấm mốc nhìn thấy được bằng mắt thường., trứng không bị rạn, nứt hoặc dập, quả trứng tươi, khi luộc lên không bị thối, hỏng, trọng lượng khoảng 10-12 gam/ quả                       | Kg | 01 |  |  |  |
| 6 | Trứng vịt        | - Bề mặt vỏ nhẵn, sạch, không có nấm mốc nhìn thấy được bằng mắt thường., trứng không bị rạn, nứt hoặc dập, quả trứng tươi, đường kính khoảng 4cm khi đập ra lòng đỏ không bị loãng, trọng lượng 65-70 gam/ quả.      | Kg | 01 |  |  |  |
| 7 | Xương sườn bò cổ | - Đúng chủng loại xương, không có mùi lạ, khi nấu lên nước trong vị ngọt, không có kí sinh trùng, vi sinh vật gây bệnh., không có chứa các chất tồn dư (Thuốc, hóa học,...) trong quá trình chăn nuôi.                | Kg | 01 |  |  |  |
| 8 | Xương ống        | Đúng chủng loại xương, không có mùi lạ, khi nấu lên nước trong vị ngọt, không có kí sinh trùng, vi sinh vật gây bệnh., không có chứa các chất tồn dư (Thuốc, hóa học,...) trong quá trình chăn nuôi.                  | Kg | 01 |  |  |  |
| 9 | Xương đuôi cò    | Đúng chủng loại xương, không có mùi lạ, khi nấu lên nước trong vị ngọt, không có kí sinh trùng, vi sinh                                                                                                               | Kg | 01 |  |  |  |

|    |                               |                                                                                                                                                                                                                                              |    |    |  |  |  |
|----|-------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----|--|--|--|
|    |                               | vật gây bệnh., không có chứa các chất tồn dư (Thuốc, hóa học...) trong quá trình chăn nuôi.                                                                                                                                                  |    |    |  |  |  |
| 10 | Thịt gà ta<br>(Bò chân, cổ)   | - Phần da bên ngoài có màu vàng không quá sậm màu, không bị loang lổ các vết bầm. Khi ấn tay vào thịt thì sẽ cảm nhận được thịt chắc, đàn hồi. Có trọng lượng từ 2-2,5kg /con (Đã làm sạch lông, bỏ lòng, mề, ruột, bỏ chân, cổ), tươi ngon. | Kg | 01 |  |  |  |
| 11 | Thịt ngan<br>(Bò chân, cổ)    | - Phần da bên ngoài có màu vàng không quá sậm màu, không bị loang lổ các vết bầm. Khi ấn tay vào thịt thì sẽ cảm nhận được thịt chắc, đàn hồi. Có trọng lượng từ 2-2,5kg /con (Đã làm sạch lông, bỏ lòng, mề, ruột, bỏ chân, cổ), tươi ngon. | Kg | 01 |  |  |  |
| 12 | Đậu phụ<br>vàng               | - Đậu sản xuất trong ngày, không có hàn the, chất bảo quản, đậu béo, dầu dùng để chiên rán phải đảm bảo sạch sẽ, khay chứa đậu phải sạch sẽ bảo quản đảm bảo vệ sinh ATTP.                                                                   | Kg | 01 |  |  |  |
| 13 | Tôm biển<br>loại 30<br>con/kg | - Tôm tươi vẫn còn sống, không có dịch nhớt, đảm bảo từ 25 - 30 con/kg.                                                                                                                                                                      | Kg | 01 |  |  |  |
| 14 | Tôm biển<br>loại 2            | - Tôm tươi vẫn còn sống đảm bảo từ 60 - 70 con/kg.                                                                                                                                                                                           | Kg | 01 |  |  |  |
| 15 | Cua đồng                      | Cua vẫn còn sống, con to đều, đảm bảo từ 50-60 con/kg. Cơ sở kinh doanh có giấy chứng nhận VSATTP.                                                                                                                                           | Kg | 01 |  |  |  |
| 16 | Tép đồng                      | Tép vẫn còn sống, con đều.                                                                                                                                                                                                                   | Kg | 01 |  |  |  |

|    |         |                                                                                       |    |    |  |  |  |
|----|---------|---------------------------------------------------------------------------------------|----|----|--|--|--|
| 17 | Cà ra   | Cà ra tươi, không có mùi lạ, không có con chết                                        | Kg | 01 |  |  |  |
| 18 | Cá trắm | Thủy hải sản tươi, sống, đúng chủng loại yêu cầu; không có dịch nhớt; không có mùi lạ | Kg | 01 |  |  |  |

TỈNH HÀI

### ĐỐI VỚI SUẤT ĂN:

| Địa chỉ thực hiện        | Quy mô trung bình                                          | Bữa       | Thời gian bắt đầu buổi ăn |
|--------------------------|------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------|
| Trường Mầm non An Phượng | 1 ngày = 500 suất ăn bao gồm buổi ăn trưa, ăn phụ và chiều | Bữa trưa  | 10h15                     |
|                          |                                                            | Bữa phụ   | 14h                       |
|                          |                                                            | Bữa chiều | 14h30                     |

| TT                                                                        | Danh mục dịch vụ                                                                                                                                                                                                                                                         | Đơn vị tính | Số lượng/tháng | Số tháng | Đơn giá | Thành tiền       |
|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------|----------|---------|------------------|
|                                                                           | 1                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2           | 3              | 4        | 5       | 6                |
| 1                                                                         | Cung cấp suất ăn cho học sinh từ tháng 04/2025 đến hết ngày 31 tháng 5/2025 (535 học sinh x 18.000 đ/1 ngày x 41 ngày/2 tháng)<br>(Chi tiết khẩu phần dự kiến theo danh mục số 01 và 02 bữa phụ)                                                                         | Suất        |                | 2        |         | 394.830.000 đồng |
| 2                                                                         | Cung cấp suất ăn cho học sinh từ tháng 06/2025 đến hết ngày 31 tháng 7/2025 (350 học sinh x 18.000 đ/1 ngày x 44 ngày/2 tháng) và ½ tháng 8/ 2025 (500 học sinh x 18.000 đ/1 ngày x 10 ngày/1/2 tháng)<br>(Chi tiết khẩu phần dự kiến theo danh mục số 01 và 02 bữa phụ) | Suất        |                | 2.5      |         | 367.200.000 đồng |
| Tổng cộng                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |                |          |         | 762.030.000 đồng |
| Bằng chữ: Bảy trăm sáu mươi hai triệu không trăm ba mươi nghìn đồng chẵn. |                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |                |          |         |                  |

**DANH MỤC SỐ 01**

**KHẨU PHẦN ĂN/ THÁNG (CÓ THỂ BỔ SUNG, THAY ĐỔI THEO YÊU CẦU VỚI GIÁ TRỊ TƯƠNG ĐƯƠNG)**

**THỰC ĐƠN TUẦN CHẴN (2, 4)**

| S<br>TT | Thứ   | Trẻ 24 - 36 tháng tuổi      |                  |                        | Trẻ 36 - 72 tháng tuổi      |                  | Ghi chú |
|---------|-------|-----------------------------|------------------|------------------------|-----------------------------|------------------|---------|
|         |       | Bữa trưa                    | Bữa chiều        | Bữa phụ                | Bữa trưa                    | Bữa phụ          |         |
| 1       | Thứ 2 | Cơm tẻ                      | Cháo thịt lợn    | Sữa Dielac Supber Star | Cơm tẻ                      | Cháo thịt lợn    |         |
|         |       | Thịt lợn kho trứng cút      |                  |                        | Thịt lợn kho trứng cút      |                  |         |
|         |       | Khoai tây nấu xương lợn     |                  |                        | Khoai tây nấu xương lợn     |                  |         |
| 2       | Thứ 3 | Cơm tẻ                      | Cháo chè đỗ đen  | Thanh long             | Cơm tẻ                      | Cháo chè đỗ đen  |         |
|         |       | Thịt bò sốt củ, quả         |                  |                        | Thịt bò sốt củ, quả         |                  |         |
|         |       | Muối vừng                   |                  |                        | Muối vừng                   |                  |         |
|         |       | Bí đỏ nấu xương lợn         |                  |                        | Bí đỏ nấu xương lợn         |                  |         |
| 3       | Thứ 4 | Cơm tẻ                      | Cháo thịt lợn    | Sữa + Bánh mì          | Cơm tẻ                      | Sữa + Bánh mì    |         |
|         |       | Thịt lợn sốt đậu phụ        |                  |                        | Thịt lợn sốt đậu phụ        |                  |         |
|         |       | Rau cải nấu cua (cà ra)     |                  |                        | Rau cải nấu cua (cà ra)     |                  |         |
| 4       | Thứ 5 | Cơm tẻ                      | Cháo chè đỗ xanh | Cam ngọt               | Cơm tẻ                      | Cháo chè đỗ xanh |         |
|         |       | Thịt lợn rim tôm            |                  |                        | Thịt lợn rim tôm            |                  |         |
|         |       | Canh mồng tơi, mướp nấu tép |                  |                        | Canh mồng tơi, mướp nấu tép |                  |         |
| 5       | Thứ 6 | Cơm tẻ                      | Phở gà           | Sữa Dielac Supber Star | Cơm tẻ                      | Phở gà           |         |
|         |       | Thịt gà rim                 |                  |                        | Thịt gà rim                 |                  |         |
|         |       | Trứng rán                   |                  |                        | Trứng rán                   |                  |         |
|         |       | Canh bí xanh nấu xương lợn  |                  |                        | Canh xanh nấu xương lợn     |                  |         |

### THỰC ĐƠN TUẦN LỄ (1, 3, 5)

|   | Thứ   | Trẻ 24 - 36 tháng tuổi   |                  |                        | Trẻ 36 - 72 tháng tuổi   |                  | Ghi chú |
|---|-------|--------------------------|------------------|------------------------|--------------------------|------------------|---------|
|   |       | Bữa trưa                 | Bữa chiều        | Bữa phụ                | Bữa trưa                 | Bữa phụ          |         |
| 1 | Thứ 2 | Cơm tẻ                   | Cháo thịt lợn    | Sữa Dielac Supber Star | Cơm tẻ                   | Cháo thịt lợn    |         |
|   |       | Thịt lợn kho trứng cút   |                  |                        | Thịt lợn kho trứng cút   |                  |         |
|   |       | Rau cải nấu cua (cà ra)  |                  |                        | Rau cải nấu cua (cà ra)  |                  |         |
|   | Thứ 3 | Cơm tẻ                   | Cháo chè đỗ đen  | Thanh long             | Cơm tẻ                   | Cháo chè đỗ đen  |         |
|   |       | Thịt bò sốt củ, quả      |                  |                        | Thịt bò sốt củ, quả      |                  |         |
|   |       | Muối vừng                |                  |                        | Muối vừng                |                  |         |
|   |       | Khoai tây nấu xương lợn  |                  |                        | Khoai tây nấu xương lợn  |                  |         |
|   | Thứ 4 | Cơm tẻ                   | Cháo thịt lợn    | Sữa + Bánh mì          | Cơm tẻ                   | Sữa + Bánh mì    |         |
|   |       | Thịt lợn sốt đậu phụ     |                  |                        | Thịt lợn sốt đậu phụ     |                  |         |
|   |       | Bí xanh nấu xương lợn    |                  |                        | Mồng toi mướp nấu cua    |                  |         |
|   | Thứ 5 | Cơm tẻ                   | Cháo chè đỗ xanh | Cam ngọt               | Cơm tẻ                   | Cháo chè đỗ xanh |         |
|   |       | Thịt lợn rim tôm         |                  |                        | Thịt lợn rim tôm         |                  |         |
|   |       | Mồng toi mướp nấu tép    |                  |                        | Mồng toi mướp nấu tép    |                  |         |
|   | Thứ 6 | Cơm tẻ                   | Phở ngan         | Sữa Dielac Supber Star | Cơm tẻ                   | Phở ngan         |         |
|   |       | Thịt ngan rim            |                  |                        | Thịt ngan rim            |                  |         |
|   |       | Trứng rán                |                  |                        | Trứng rán                |                  |         |
|   |       | Canh bí đỏ nấu xương lợn |                  |                        | Canh bí đỏ nấu xương lợn |                  |         |